

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 3 năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – SÔNG LAM

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối I, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An
- Mã chứng khoán: BSL
- Điện thoại: 02388.662.662 Fax: 02388. 662.664
- Email: sasobeco@sasobeco.com.vn
- Website: https://sasobeco.com.vn/

2. Nội dung thông tin công bố:

BCTC quý 3 năm 2024.

- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

- Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 16/10/2024 tại đường dẫn: <https://sasobeco.com.vn/>

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm

- BCTC Quý I/2024;
- Công văn giải trình lợi nhuận.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**



Đặng Việt Cường



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo tài chính Quý 3 Năm 2024



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 271110000018

ngày 7 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận

2703001077

ngày 20 tháng 12 năm 2006

Đăng ký Doanh nghiệp số

2900783332

ngày 5 tháng 9 năm 2023

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần. lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900783332 ngày 5 tháng 9 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Tan Teck Chuan Lester

Chủ tịch (từ ngày 5 tháng 10 năm 2023)

Ông Neo Gim Siong Bennett

Chủ tịch (đến ngày 4 tháng 10 năm 2023)

Ông Văn Thanh Liêm

Thành viên

Ông Cao Thanh Bích

Thành viên

Ông Nguyễn Hồng Anh

Thành viên

Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa

Thành viên (từ ngày 12 tháng 4 năm 2023)

Ông Lê Xuân Sơn

Thành viên (đến ngày 11 tháng 4 năm 2023)

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thanh Vân

Trưởng ban

Bà Nguyễn Thanh Thủy

Thành viên

Bà Lưu Thanh Thảo

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Anh

Giám đốc

Ông Trần Quang Trung

Phó Giám đốc

Ông Văn Bá Thi

Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Khối 1. Xã Hưng Đạo

Huyện Hưng Nguyên

Tỉnh Nghệ An

Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		447.701.830.928	386.099.782.224
Tiền	110	8	227.774.648.222	28.575.511.984
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		109.500.000.000	249.717.653.857
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	109.500.000.000	249.717.653.857
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.510.853.353	42.794.167.861
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	44.960.951.396	38.594.478.260
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.312.340.757	213.671.266
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	1.237.561.200	3.986.018.335
Hàng tồn kho	140	12(a)	61.379.312.233	64.250.105.470
Hàng tồn kho	141		62.084.141.831	64.721.231.901
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(704.829.598)	(471.126.431)
Tài sản ngắn hạn khác	150		537.017.120	762.343.052
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		537.017.120	390.653.530
Thuế phải thu Nhà Nước	153		-	371.689.522
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		212.519.835.218	270.832.526.428
Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000	30.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000	30.000.000
Tài sản cố định	220		200.779.270.626	257.971.838.666
Tài sản cố định hữu hình	221	13	200.710.886.490	257.970.046.559
<i>Nguyên giá</i>	222		1.294.241.596.291	1.293.531.539.850
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.093.530.709.801)	(1.035.561.493.291)
Tài sản cố định vô hình	227	14	68.384.136	1.792.107
<i>Nguyên giá</i>	228		380.862.152	303.930.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(312.478.016)	(302.137.893)
Tài sản dở dang dài hạn	240		249.505.758	4.041.157.990
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	249.505.758	4.041.157.990
Tài sản dài hạn khác	260		11.461.058.834	8.789.529.772
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	4.392.292.490	708.114.502
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.040.875.573	2.294.335.615
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	(12b)	5.027.890.771	5.787.079.655
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		660.221.666.146	656.932.308.652

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		166.148.948.707	154.067.624.035
Nợ ngắn hạn	310		166.001.293.207	153.416.993.635
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	16.136.330.870	16.204.745.318
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	137.028.918.209	102.171.228.035
Phải trả người lao động	314		1.604.983.895	2.341.137.385
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	5.296.759.335	7.753.698.596
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	2.917.050.898	4.180.877.501
Vay ngắn hạn	320	21	-	17.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	3.017.250.000	3.765.306.800
Nợ dài hạn	330		147.655.500	650.630.400
Phải trả dài hạn khác	337		-	500.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		147.655.500	150.630.400
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		494.072.717.439	502.864.684.617
Vốn chủ sở hữu	410	23	494.072.717.439	502.864.684.617
Vốn cổ phần	411	24	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	6.516.196.015	6.516.196.015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.556.521.424	46.348.488.602
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.377.762.775	16.728.844.825
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		22.178.758.649	29.619.643.777
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		660.221.666.146	656.932.308.652

Ngày 16 tháng 10 năm 2024

Người lập:



Văn Bá Thi

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế 9 tháng	
			2024 VND	2023 VND	30/9/2024 VND	30/9/2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	28	260.408.012.158	237.795.917.377	678.448.964.293	590.331.350.924
Giá vốn hàng bán	11	29	245.040.622.208	225.476.100.458	642.289.924.167	558.883.520.119
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		15.367.389.950	12.319.816.919	36.159.040.126	31.447.830.805
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	2.529.470.943	4.534.256.757	8.308.018.349	10.848.499.512
Chi phí tài chính	22		55.753.426	147.424.657	990.326.026	460.767.124
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		55.753.426	147.424.657	990.326.026	460.767.124
Chi phí bán hàng	25		350.725.390	-	912.911.155	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	3.614.853.392	4.227.801.812	11.072.534.948	14.447.015.002
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		13.875.528.685	12.478.847.207	31.491.286.346	27.388.548.191
Thu nhập khác	31		624.679	5.491.161	3.724.466	11.920.841
Chi phí khác	32		-	92.779.761	-	92.935.880
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		624.679	(87.288.600)	3.724.466	(81.015.039)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.876.153.364	12.391.558.607	31.495.010.812	27.307.533.152
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	2.630.860.336	2.515.527.406	6.045.542.121	5.395.906.067
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	144.370.337	34.792.751	253.460.042	137.609.000
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	60		11.100.922.691	9.841.238.450	25.196.008.649	21.774.018.085
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	224	198	493	423

Ngày 16 tháng 10 năm 2024

Người lập:



Văn Bà Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Quý 3 kết thúc ngày		
	30/9/2024 VND	30/9/2023 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	31.495.010.812	27.307.533.152
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	57.979.556.633	58.474.745.421
Các khoản dự phòng	03	271.086.697	(688.044.997)
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(8.308.018.349)	(10.848.499.512)
Chi phí lãi vay	06	990.326.026	460.767.124
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	82.427.961.819	74.706.501.188
Biến động các khoản phải thu	09	(3.765.389.234)	(1.058.490.639)
Biến động hàng tồn kho	10	3.355.920.524	6.657.249.013
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	28.759.959.068	64.266.649.054
Biến động chi phí trả trước	12	(3.830.541.578)	156.044.957
		106.947.910.599	144.727.953.573
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.018.690.410)	(441.698.631)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.142.528.566)	(537.829.796)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	1.199.245.609	9.705.717.942
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.824.216.476)	(4.281.052.122)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	100.161.720.756	149.173.090.966
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(3.722.144.460)	(1.185.377.478)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(415.300.000.000)	(300.615.188.104)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	25	555.517.653.857	170.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	11.277.468.430	2.571.978.631
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	147.772.977.827	(129.228.586.951)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Quý 3 kết thúc ngày	
	30/9/2024 VND	30/9/2023 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	314.000.000.000	167.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(331.000.000.000)	(135.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(31.735.562.345)	(30.770.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(48.735.562.345)	1.229.800.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	199.199.136.238	21.174.304.015
Tiền đầu kỳ	60	28.575.511.984	12.088.325.307
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)	70	227.774.648.222	33.262.629.322

Ngày 16 tháng 10 năm 2024

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quý 3 đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 421/QĐ-SGDHN ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã giao dịch là BSL.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty có 177 nhân viên (1/1/2024: 179 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính quý 3

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính quý 3 này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính quý 3 này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn. Những khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(ii) Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu. thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính quý 3 này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính quý 3 năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia. Hoạt động kinh doanh khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Ban lãnh đạo cho rằng phân khúc này không bị biến động theo mùa đáng kể.

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Khi lập báo cáo tài chính quý 3 này, Ban Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất cũng như trong báo cáo tài chính quý 3 cùng kỳ năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính quý 3 của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024.

7. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 và ngày 30 tháng 9 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền

	30/9/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	379.235.007	622.640.007
Tiền gửi ngân hàng	44.095.413.215	27.952.871.977
Các khoản tương đương tiền	183.300.000.000	-
	227.774.648.222	28.575.511.984

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất dao động từ 3,4% đến 4,7% một năm (1/1/2024: từ 4,5% đến 5,2% một năm).

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/9/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	44.121.840.873	38.028.310.220
Các khách hàng khác	839.110.523	566.168.040
	44.960.951.396	38.594.478.260

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/9/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	44.121.840.873	38.028.310.220

Khoản phải thu thương mại từ Công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/9/2024	1/1/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi phải thu	883.779.041	3.884.998.291
Ký quỹ	15.000.000	15.000.000
Khác	338.782.159	86.020.044
	<hr/>	<hr/>
	1.237.561.200	3.986.018.335
	<hr/>	<hr/>

12. Hàng tồn kho**(a) Hàng tồn kho**

	30/9/2024		1/1/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	88.490.000	-	130.840.000	-
Nguyên vật liệu	30.849.738.351	-	24.375.349.346	-
Công cụ và dụng cụ	915.125.102	(704.829.598)	1.944.494.833	(471.126.431)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.768.849.691	-	21.788.120.304	-
Thành phẩm	5.461.938.687	-	16.482.427.418	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	62.084.141.831	(704.829.598)	64.721.231.901	(471.126.431)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Quý 3 kết thúc ngày	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	471.126.431	2.595.479.424
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(67.248.531)	(377.595.640)
Trích dự phòng trong kỳ	300.951.698	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	(704.829.598)	2.217.883.784
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn**

	30/9/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	15.896.800.850	(10.868.910.079)	16.615.631.304	(10.828.551.649)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Quý 3 kết thúc ngày	
	30/9/2024 VND	30/9/2023 VND
Số dư đầu kỳ	10.828.551.649	7.720.488.258
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(1.200.051.663)	(310.449.357)
Trích dự phòng trong kỳ	1.240.410.093	-
Số dư cuối kỳ	10.868.910.079	7.410.038.901

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	223.437.662.362	1.049.189.968.241	7.650.541.526	11.551.315.214	1.702.052.507	1.293.531.539.850
Tăng trong kỳ	-	185.000.000	720.000.000	82.570.000	-	987.570.000
Giảm trong kỳ		277.513.559				277.513.559
Số dư cuối kỳ	223.437.662.362	1.049.097.454.682	8.370.541.526	11.633.885.214	1.702.052.507	1.294.241.596.291
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	110.611.422.889	905.050.654.857	7.521.719.286	10.698.514.002	1.679.182.257	1.035.561.493.291
Khấu hao trong kỳ	7.891.449.515	49.665.362.418	153.741.932	245.061.395	13.601.250	57.969.216.510
Số dư cuối kỳ	118.502.872.404	954.704.257.327	7.675.461.218	10.955.335.345	1.692.783.507	1.093.530.709.801
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	112.826.239.473	144.151.073.332	128.822.240	841.041.264	22.870.250	257.970.046.559
Số dư cuối kỳ	104.934.789.958	94.393.197.355	695.080.308	678.549.869	9.269.000	200.710.886.490

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá là 27.032 triệu VND (1/1/2024: 22.683 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	303.930.000
Tăng trong kỳ	76.932.152
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	380.862.152
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	302.137.893
Khấu hao trong kỳ	10.340.123
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	312.478.016
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.792.107
Số dư cuối kỳ	68.384.136
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá là 304 triệu VND (1/1/2024: 204 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2024 VND	30/09/2023 VND
Số dư đầu kỳ	4.041.157.990	608.539.091
Tăng trong kỳ	1.107.988.918	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.899.641.150)	-
Số dư cuối kỳ	249.505.758	608.539.091

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
Nâng cấp công suất nhà máy	195.000.000	-
Nâng cấp hệ thống ghép mí	-	1.619.694.341
Nâng cấp hệ thống rửa chai	-	1.897.599.514
Khác	54.505.758	523.864.135
Số dư cuối kỳ	249.505.758	4.041.157.990

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	298.001.812	-	410.112.690	708.114.502
Tăng trong kỳ	190.624.547	-	562.598.859	753.223.406
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	4.322.170.822	-	4.322.170.822
Phân bổ trong kỳ	(217.493.074)	(986.815.279)	(186.907.887)	(1.391.216.240)
Số dư cuối kỳ	271.133.285	3.335.355.543	785.803.662	4.392.292.490

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/9/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	7.003.866.398	5.111.323.284
Công ty TNHH Thịnh Đức	335.808.000	2.387.320.000
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	1.051.545.526	766.513.900
Công ty TNHH Krones Việt Nam	-	1.851.505.040
Các nhà cung cấp khác	7.745.110.846	6.088.083.094
	<hr/>	<hr/>
	16.136.330.870	16.204.745.318

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/9/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	7.003.866.398	5.111.323.284
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	256.891.982	36.717.463
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	65.124.000	46.656.000
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co	187.273.075	126.694.600
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại cho Công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số cần trừ VND	30/9/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.351.302.935	86.888.112.777	(51.296.150.720)	(47.959.851.509)	46.943.264.992
Thuế tiêu thụ đặc biệt	87.095.934.996	675.255.827.539	(678.223.485.590)		84.128.276.945
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.698.881.967	6.045.542.121	(4.142.528.566)	-	5.601.895.522
Thuế thu nhập cá nhân	25.108.137	919.406.353	(898.793.991)	-	45.720.499
Thuế khác	-	637.155.747	(327.395.496)	-	309.760.251
	102.171.228.035	769.746.044.537	(734.888.354.363)	(47.959.851.509)	137.028.918.209

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/9/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.223.840.202	4.252.204.586
Chi phí xây dựng	28.214.243	1.934.399.990
Chi phí phải trả khác	1.044.704.890	1.567.094.020
	<u>5.296.759.335</u>	<u>7.753.698.596</u>

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức phải trả	2.739.900.000	3.391.500.000
Ký quỹ đã nhận	35.000.000	535.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	142.150.898	254.377.501
	<u>2.917.050.898</u>	<u>4.180.877.501</u>

21. Vay ngắn hạn

	1/1/2024	Biến động trong kỳ		30/9/2024
	Giá trị ghi sổ/ Khoản trong khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Giá trị ghi sổ/ Khoản trong khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	17.000.000.000	314.000.000.000	(331.000.000.000)	-
				<u>-</u>

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Quý 3 kết thúc ngày	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.765.306.800	3.518.022.260
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 23)	3.017.250.000	2.760.000.335
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	(529.274.173)	849.627.837
Sử dụng trong kỳ	(3.236.032.627)	(4.541.929.274)
Số dư cuối kỳ	3.017.250.000	2.585.721.158

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	450.000.000.000	6.516.196.015	31.078.472.662	487.594.668.677
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	21.774.018.085	21.774.018.085
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(2.760.000.335)	(2.760.000.335)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2022 (Thuyết minh 22)	-	-	(849.627.837)	(849.627.837)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2023	450.000.000.000	6.516.196.015	35.742.862.575	492.259.058.590
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	450.000.000.000	6.516.196.015	46.348.488.602	502.864.684.617
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	25.196.008.649	25.196.008.649
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(3.017.250.000)	(3.017.250.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2023 (Thuyết minh 22)	-	-	529.274.173	529.274.173
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(31.500.000.000)	(31.500.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2024	450.000.000.000	6.516.196.015	37.556.521.424	494.072.717.439

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/9/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 và ngày 30 tháng 9 năm 2023.

25. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 19 tháng 4 năm 2024 đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 (2023: 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó 18.000 triệu VND đã được tạm ứng cho cổ đông trong năm 2022).

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/9/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.239.041.000	1.239.041.000
Từ hai đến năm năm	4.956.164.000	4.956.164.000
Sau năm năm	36.551.705.000	37.480.990.250
	42.746.910.000	43.676.195.250

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Quý 3		Lũy kế đến	
	2024 VDN	2023 VND	30/9/2024 VND	30/9/2023 VND
Tổng doanh thu				
▪ Bán thành phẩm	257.612.881.110	236.125.093.839	670.957.824.091	587.292.584.463
▪ Bán phế liệu	2.795.131.048	1.670.823.538	7.491.140.202	3.038.766.461
	<u>260.408.012.158</u>	<u>237.795.917.377</u>	<u>678.448.964.293</u>	<u>590.331.350.924</u>

29. Giá vốn hàng bán

	Quý 3		Lũy kế đến	
	2024 VDN	2023 VND	30/9/2024 VND	30/9/2023 VND
▪ Thành phẩm đã bán	244.148.292.876	225.597.665.143	641.768.607.209	559.431.415.115
▪ Hoàn nhập và dự phòng giảm giá HTK	819.510.112	(173.963.757)	274.061.597	(688.044.997)
▪ Giá vốn khác	72.819.220	52.399.072	247.255.361	140.150.001
	<u>245.040.622.208</u>	<u>225.476.100.458</u>	<u>642.289.924.167</u>	<u>558.883.520.119</u>

30. Doanh thu tài chính

	Quý 3		Lũy kế đến	
	2024 VDN	2023 VND	30/9/2024 VND	30/9/2023 VND
▪ Thu nhập lãi tiền gửi	2.529.470.943	4.534.256.757	8.308.018.349	10.848.499.512

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý 3		Lũy kế đến	
	2024 VDN	2023 VDN	30/9/2024 VDN	30/9/2023 VND
Chi phí thuế hiện hành				
Kỳ hiện hành	2.630.860.336	2.443.518.970	6.045.542.121	5.323.897.630
Thuế dự phòng thiếu cho năm trước	-	72.008.436	-	72.008.436
	-2.630.860.336	2.515.527.406	6.045.542.120	5.395.906.067
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại				
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	144.370.337	34.792.751	253.460.042	137.609.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.775.230.673	2.550.320.157	6.299.002.163	5.533.515.067

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Quý 3		Lũy kế đến	
	2024 VDN	2023 VND	30/9/2024 VDN	30/9/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.876.153.364	12.391.558.607	31.495.010.812	27.307.533.152
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.775.230.673	2.478.311.721	6.299.002.162	5.461.506.630
Thuế dự phòng thiếu cho năm trước	-	72.008.436	-	72.008.436
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.775.230.673	2.550.320.157	6.299.002.163	5.533.515.067

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Lũy kế đến	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	25.196.008.649	21.774.018.085
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(3.017.250.000)	(2.760.000.335)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	22.178.758.649	19.014.017.750

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu kỳ quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 và ngày 30 tháng 9 năm 2023. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.346.213.651.630	1.182.647.019.490
Bán nguyên vật liệu	-	226.478.513
Cung cấp dịch vụ	-	74.478.021
Mua nguyên vật liệu	480.209.553.878	400.157.726.070
Cổ tức công bố	21.665.000.000	9.285.000.000
Cổ tức đã trả	-	21.665.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua dịch vụ	4.735.129.411	4.930.133.669
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	1.026.593.000	260.000.000
Mua dụng cụ	548.878.700	276.092.252
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Mua hàng hóa	1.030.009.570	906.417.250
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi		
Mua nguyên vật liệu	549.100.000	182.700.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	105.894.400	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	98.564.512	-
Công ty TNHH Bất Động Sản Areco		
Mua dịch vụ	47.055.750	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	13.950.000	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua nguyên vật liệu	-	178.250.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	-	32.364.000
Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Tan Teck Chuan Lester – Chủ tịch	97.499.997	-
Ông Neo Gim Siong Bennett – Chủ tịch	-	97.499.976
Ông Văn Thanh Liêm – Thành viên	68.249.997	68.250.009
Ông Cao Thanh Bích – Thành viên	68.249.997	68.250.009
Ông Nguyễn Hồng Anh – Thành viên	68.249.997	68.250.009
Ông Vương Nguyên Đăng Khoa – Thành viên	70.260.553	42.719.452
Ông Lê Xuân Sơn – Thành viên	-	36.652.796
Ban Kiểm soát		

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Quý 3 kết thúc ngày	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
<i>Thù lao</i>		
Bà Hoàng Thanh Vân – Trưởng ban	68.249.997	68.250.009
Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thành viên	39.000.006	38.999.976
Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên	39.000.006	38.999.976
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.015.073.302	1.475.949.991

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Quý 3 kết thúc ngày	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	500.000.000	34.540.000

36. Thông tin so sánh

Các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính năm của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và thông tin so sánh cho quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính quý 3 của Công ty tại ngày và cho quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023.

Ngày 16 tháng 10 năm 2024

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc